

Bản án số: 139/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hồng Thái.

Bà Trần Thị Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Lạng Sơn; số định danh cá nhân: 020179002223; nơi thường trú: Số E, đường P, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện tại: Số A, ngõ H, ngách C, đường T, phường T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Chí D và bà Nguyễn Thị Á; chồng: Phạm Văn H1; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị C đi khỏi nơi cư trú ngày 08-02-2026 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; số định danh cá nhân: 020179005533; nơi cư trú: Tổ B, khối G, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Bùi Kim T, sinh năm 1986; số định danh cá nhân: 022186010221; nơi cư trú: Số A, ngõ C, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Lộc Thị N1, sinh năm 1986; số định danh cá nhân: 020186009090; nơi cư trú: Số H, khối G, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Vân K, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số A, đường B, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Phương Thị N2, sinh năm 1972; số định danh cá nhân: 020172001372;

nơi cư trú: Số G, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H cho người khác vay tiền theo hình thức “Bát họ”. Mỗi “bát họ” là 10.000.000 đồng. Khi cho người khác vay tiền, mỗi “Bát họ”, Nguyễn Thị H cắt lãi trước là 2.500.000 đồng. Người vay tiền phải trả số tiền nợ gốc cho Nguyễn Thị H trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tương ứng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không được vượt quá 20%/năm. Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã cho 05 (năm) người vay là 190.000.000 đồng, đã thu tổng số tiền lãi là 47.500.000 đồng, tổng số lãi hợp pháp là 4.723.288 đồng, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 47.500.000 đồng - 4.723.288 đồng = 42.776.712 đồng. Nguyễn Thị H đã cho người khác vay tiền và thu lợi bất chính như sau:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979, trú tại tổ B, khối G, phường K, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 10-01-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị N vay 01 (một) bát họ tương đương 10.000.000 đồng. Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và thu thêm tiền gốc 01 ngày là 200.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N chỉ được nhận 7.300.000 đồng. Hàng ngày bà Nguyễn Thị N phải trả cho Nguyễn Thị H số tiền 200.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã trả đủ số tiền 10.000.000 đồng cho Nguyễn Thị H trong thời gian 50 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Ngày 23-5-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị N vay 02 (hai) bát họ, cắt lãi luôn là 5.000.000 đồng và thu thêm tiền gốc 01 ngày là 400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N được nhận số tiền 14.600.000 đồng. Hàng ngày bà Nguyễn Thị N trả tiền họ cho Nguyễn Thị H là 400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã trả đủ số tiền 20.000.000 đồng cho Nguyễn Thị H trong thời gian 50 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 547.945 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $5.000.000 \text{ đồng} - 547.945 \text{ đồng} = 4.452.055 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị N vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 7.500.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp Nguyễn Thị H được hưởng là 821.918 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là $7.500.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng} = 6.678.027 \text{ đồng}$.

2. Bà Bùi Kim T, sinh năm 1986, trú tại ngõ C, đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 17-8-2025, Nguyễn Thị H cho bà Bùi Kim T vay 01 (một) bát họ tương đương 10.000.000 đồng, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và thu thêm tiền gốc

01 ngày là 200.000 đồng. Bà Bùi Kim T được nhận số tiền 7.300.000 đồng, hàng ngày phải trả 200.000 đồng trong vòng 50 ngày. Đến ngày 18-9-2025, bà Bùi Kim T đáo bắt họ vay này, tổng số ngày vay là 33 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ ngày} = 180.822 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 180.822 \text{ đồng} = 2.319.178 \text{ đồng}$.

Ngày 18-9-2025, bà Bùi Kim T đáo bắt họ vay ngày 17-8-2025 và vay 01 (một) bắt họ mới, khi vay Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, trừ tiền gốc bắt họ còn thiếu 17 ngày là 3.400.000 đồng và tiền gốc 01 ngày vay là 200.000 đồng. Bà Bùi Kim T được nhận số tiền 3.900.000 đồng, hàng ngày phải trả cho Nguyễn Thị H số tiền 200.000 đồng trong vòng 50 ngày. Đến ngày 20-10-2025, bà Bùi Kim T đáo bắt họ vay này, tổng số ngày vay là 33 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ ngày} = 180.822 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 180.822 \text{ đồng} = 2.319.178 \text{ đồng}$.

Ngày 20-10-2025, bà Bùi Kim T đáo bắt họ vay 18-9-2025 và vay 01 (một) bắt họ, khi vay Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, trừ tiền gốc bắt họ còn thiếu 17 ngày là 3.400.000 đồng và tiền gốc 01 ngày vay là 200.000 đồng. Bà Bùi Kim T được nhận số tiền 3.900.000 đồng, hàng ngày phải trả cho Nguyễn Thị H số tiền 200.000 đồng trong vòng 50 ngày. Bà Bùi Kim T đã trả hết tiền bắt họ 10.000.000 đồng và không vay nữa.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H cho bà Bùi Kim T vay là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 7.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 635.616 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là $7.500.000 \text{ đồng} - 635.616 \text{ đồng} = 6.864.384 \text{ đồng}$.

3. Bà Lộc Thị N1, sinh năm 1986, trú tại số H, khối G, phường K, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 08-12-2025, Nguyễn Thị H cho bà Lộc Thị N1 vay 01 (một) bắt họ tương đương 10.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và 01 ngày tiền họ là 200.000 đồng. Bà Lộc Thị N1 được nhận số tiền 7.300.000 đồng. Đến ngày 22-01-2026, bà Lộc Thị N1 đáo bắt họ vay này, tổng số ngày vay là 46 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 46 \text{ ngày} = 252.055 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 252.055 \text{ đồng} = 2.247.945 \text{ đồng}$.

Ngày 22-01-2026, bà Lộc Thị N1 đáo bắt họ vay ngày 08-12-2025 và vay 01 bắt họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, trừ tiền gốc bắt họ còn thiếu 4 ngày là 800.000 đồng và tiền gốc 01 ngày vay là 200.000 đồng. Bà Lộc Thị N1 được nhận số tiền 6.500.000 đồng. Khoản vay này, bà Lộc Thị N1 đã trả đến ngày 04-02-2026 là 14 ngày, còn nợ tiền họ 36 ngày tương đương 7.200.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Tổng cộng Nguyễn Thị H cho bà Lộc Thị N1 vay 02 (hai) bát họ tương đương 20.000.000 đồng, cắt lãi 5.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 526.027 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là $5.000.000 \text{ đồng} - 526.027 \text{ đồng} = 4.473.973 \text{ đồng}$.

4. Bà Nguyễn Thị Vân K, sinh năm 1973, trú tại số A, đường B, phường T, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 23-5-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị Vân K vay 01 (một) bát họ tương đương 10.000.000 đồng, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và 01 (một) ngày tiền họ là 200.000 đồng, đưa cho bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 7.300.000 đồng. Số tiền bà Nguyễn Thị Vân K phải trả trong vòng 50 ngày là 10.000.000 đồng. Đến ngày 11-7-2025, bà Nguyễn Thị Vân K đã trả xong bát họ này.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Ngày 02-8-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị Vân K vay 01 (một) bát họ, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và 01 ngày tiền họ 200.000 đồng, đưa cho bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 7.300.000 đồng. Đến ngày 10-9-2025, bà Nguyễn Thị Vân Khánh Đ1 bát họ, tổng cộng đã trả được 40 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ ngày} = 219.178 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 219.178 \text{ đồng} = 2.280.822 \text{ đồng}$.

Ngày 10-9-2025, bà Nguyễn Thị Vân Khánh Đ1 bát họ vay ngày 02-8-2025 và vay 01 (một) bát họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, trừ tiền gốc bát họ trước còn 10 ngày là 2.000.000 đồng và 01 ngày tiền họ là 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Vân K được nhận số tiền 5.300.000 đồng. Số tiền bà Nguyễn Thị Vân K phải trả trong vòng 50 ngày là 10.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Vân K đã trả tiền họ hết đối với khoản vay này.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Ngày 22-11-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị Vân K vay 01 (một) bát họ, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng và 01 ngày tiền họ 200.000 đồng, còn đưa cho bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 7.300.000 đồng. Số tiền bà Nguyễn Thị Vân K phải trả trong vòng 50 ngày là 10.000.000 đồng. Ngày 05-01-2026, bà Nguyễn Thị Vân K đã đáo hạn khoản vay này, tổng số ngày vay bát họ này là 45 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 45 \text{ ngày} = 246.575 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 246.575 \text{ đồng} = 2.253.425 \text{ đồng}$.

Ngày 30-11-2025, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị Vân K vay 0,5 bát họ, cắt lãi luôn là 1.250.000 đồng và 01 ngày tiền họ 100.000 đồng, còn đưa cho bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 3.650.000 đồng. Số tiền bà Nguyễn Thị Vân K phải trả

trong vòng 50 ngày là 5.000.000 đồng. Đến ngày 16-01-2026, bà Nguyễn Thị Vân K đáo 0,5 bát họ này, tổng thời gian vay là 48 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $5.000.000 \text{ đ} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 48 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $1.250.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng} = 1.118.493 \text{ đồng}$.

Ngày 05-01-2026, bà Nguyễn Thị Vân Khánh Đ1 bát họ vay ngày 22-11-2025 và vay 01 (một) bát họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, trừ tiền gốc bát họ trước còn nợ 05 ngày là 1.000.000 đồng và 01 ngày tiền họ 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Vân K được nhận số tiền 6.300.000 đồng. Khoản vay này bà Nguyễn Thị Vân K đã trả đến ngày 04-02-2026 được 32 ngày còn nợ 18 ngày tiền họ là 3.600.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Ngày 16-01-2026, bà Nguyễn Thị Vân K đáo 0,5 bát họ vay ngày 30-11-2025 và vay 0,5 bát họ, cắt lãi luôn là 1.250.000 đồng, trừ tiền gốc bát họ trước còn nợ 05 ngày là 1.000.000 đồng và 01 ngày tiền họ 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Vân K được nhận số tiền 2.550.000 đồng. Khoản vay này bà Nguyễn Thị Vân K đã trả được 22 ngày còn nợ 28 ngày tiền họ là 2.800.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $5.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $1.250.000 \text{ đồng} - 136.986 \text{ đồng} = 1.113.014 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Vân K vay 06 bát họ tương đương 60.000.000 đồng, Nguyễn Thị H cắt lãi 15.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.556.164 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 13.443.836 đồng.

5. Bà Phương Thị N2, sinh năm 1972, trú tại số G, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 27-5-2025, Nguyễn Thị H cho bà Phương Thị N2 vay 01 (một) bát họ tương đương 10.000.000 đồng trong thời gian 50 ngày, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, đưa cho bà Phương Thị N2 số tiền 7.500.000 đồng. Khoản vay này bà Phương Thị N2 đã trả hết.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 273.973 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 2.226.027 \text{ đồng}$.

Ngày 14-8-2025, Nguyễn Thị H cho bà Phương Thị N2 vay 01 (một) bát họ, cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, đưa cho bà Phương Thị N2 số tiền 7.500.000 đồng. Đến ngày 17-09-2025, bà Phương Thị Ngân Đ2 bát họ này, tổng số ngày cho vay là 35 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay ngày 27/5/2025 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 35 \text{ ngày} = 191.781 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là $2.500.000 \text{ đồng} - 191.781 \text{ đồng} = 2.308.219 \text{ đồng}$.

Ngày 17-09-2025, bà Phương Thị Ngân Đ2 bắt họ vay ngày 14-8-2025, vay thêm 01 (một) bắt họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng. Đến ngày 17-10-2025, bà Phương Thị N2 đã đáo bắt họ này. Tổng số ngày vay là 31 ngày.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay ngày 27/5/2025 là 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 31 ngày = 169.863 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là 2.500.000 đồng - 169.863 đồng = 2.330.137 đồng.

Ngày 17-10-2025, bà Phương Thị Ngân Đ2 bắt họ vay ngày 17-09-2025, vay thêm 01 bắt họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn là 2.500.000 đồng, đưa cho bà Phương Thị N2 số tiền 7.500.000 đồng. Bà Phương Thị N2 đã trả hết khoản vay này.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 50 ngày = 273.973 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là 2.500.000 đồng - 273.973 đồng = 2.226.027 đồng.

Ngày 24-12-2025, bà Phương Thị N2 vay 01 (một) bắt họ, Nguyễn Thị H cắt lãi luôn 2.500.000 đồng, đưa cho bà Phương Thị N2 số tiền 7.500.000 đồng. Khoản vay này bà Phương Thị N2 trả đến ngày 04-02-2026 là 43 ngày, còn nợ 07 ngày họ là 1.400.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 10.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 50 ngày = 273.973 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của khoản vay là 2.500.000 đồng - 273.973 đồng = 2.226.027 đồng.

Tổng cộng chị N2 vay 05 (năm) bắt họ tương đương 50.000.000 đồng, đã thu lãi 12.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là 1.183.562 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 12.500.000 đồng - 1.183.562 đồng = 11.316.438 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 12, màu đen.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSKV1 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt tiền đối với bị cáo từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi 12, màu đen.

Truy thu đôi với bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 179.723.288 đồng.

Truy thu bà Nguyễn Thị Vân K đối với số tiền 6.400.000 đồng.

Truy thu bà Lộc Thị N1 đối với số tiền 7.200.000 đồng.

Truy thu bà Phương Thị N2 đối với số tiền 1.400.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại cho: Bà Nguyễn Thị N số tiền 6.678.027 đồng. Bà Bùi Kim T số tiền 6.864.384 đồng. Bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 13.443.836 đồng. Bà Phương Thị N2 số tiền 11.316.438 đồng. Bà Lộc Thị N1 số tiền 4.473.973 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã trả đủ số tiền phải trả lại cho các bà Nguyễn Thị N, bà Bùi Kim T, bà Nguyễn Thị Vân K và bà Phương Thị N2.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ngoài ra, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Thị H là người thực hiện hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 42.776.712 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo đã trả lại số tiền lãi bất hợp pháp cho các bà Nguyễn Thị N, bà Bùi Kim T, bà Nguyễn Thị Vân K và bà Phương Thị N2. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng hình phạt chính là phạt tiền để răn đe đối với bị cáo và phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngoài ra, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng nhằm giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm việc công việc nhất định. Tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Bị cáo là lao động tự do, không có chức vụ gì trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc cho vay và số tiền lãi thu hợp pháp là công cụ dùng để phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền lãi bất hợp pháp bị cáo đã thu được từ những người vay cần trả lại cho người vay theo quy định. Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo do bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Những ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H với số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

4.1. Tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 863138066981543.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15-5-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lạng Sơn).

4.2. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị H:

Số tiền bị cáo Nguyễn Thị H dùng để cho vay là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Số tiền lãi hợp pháp bị cáo Nguyễn Thị H đã thu được từ những người vay tiền là 4.723.288 đồng (bốn triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Tổng số tiền truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị H là 179.723.288 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

4.3. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bà Lộc Thị N1:

Truy thu bà Lộc Thị N1 đối với số tiền chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị H là 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

4.4. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bà Nguyễn Thị Vân K:

Truy thu bà Nguyễn Thị Vân K đối với số tiền chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị H là 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

4.5. Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bà Phương Thị N2:

Truy thu bà Phương Thị N2 đối với số tiền chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị H là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

4.6. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà Lộc Thị N1 số tiền lãi bất hợp pháp bị cáo đã thu của bà Lộc Thị N1 là 4.473.973 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

4.7. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã trả lại số tiền lãi bất hợp pháp cho những người đã vay tiền gồm:

Đã trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 6.678.027 đồng (sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Vân K số tiền 13.443.836 đồng (mười ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Đã trả lại cho bà Bùi Kim T số tiền 6.864.384 đồng (sáu triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

Đã trả lại cho bà Phương Thị N2 số tiền 11.316.438 đồng (mười một triệu ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- CCCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp